

## QUYẾT ĐỊNH

**Quy định số lượng, chủng loại, phương thức quản lý, thẩm quyền quyết định các nội dung về khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung và tiêu chuẩn định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-STC ngày tháng năm 2024 về việc quy số lượng, chủng loại, phương thức quản lý, thẩm quyền quyết định các nội dung về khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung và tiêu chuẩn định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định; Báo cáo thẩm định số /BC-STP ngày tháng năm 2024 của Sở Tư pháp.

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng, phương thức quản lý, thẩm quyền quyết định các nội dung về khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung và tiêu chuẩn định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định.

#### 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị-xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động.

### Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng, phương thức quản lý, thẩm quyền quyết định các nội dung về khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung

#### 1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung

a. Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại Điều 11,12 Nghị định 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ trang bị cho khối Văn phòng cấp tỉnh, Sở ban ngành và tương đương trực thuộc tỉnh, Ủy ban mặt trận tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị-xã hội thuộc tỉnh thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh được quy định chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo Quyết định này.

b. Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung trang bị cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ quy định tại Khoản 5 Điều 8 Nghị định 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ: Chi tiết theo Phụ lục 02 kèm theo Quyết định này.

c. Chủng loại:

- Chủng loại xe ô tô quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 2 Quyết định này: xe ô tô một cầu hoặc hai cầu, có số chỗ ngồi từ 4 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải). Chỉ trang bị xe ô tô 7 hoặc 8 chỗ ngồi 2 cầu đối với khối các Văn phòng cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp phát triển nông thôn, Sở Y tế và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

- Chủng loại xe ô tô quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 2 Quyết định này: xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi.

2. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung

Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung tại khối các Văn phòng cấp tỉnh (Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng đoàn đại biểu quốc hội và hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh), sở, ban ngành và tương đương thuộc tỉnh, các cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị- xã hội thuộc tỉnh: Giao cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị đơn vị có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung của đơn vị.

3. Thẩm quyền quyết định các nội dung về khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung

a. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định các nội dung về khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại Khoản 7 Điều 21 Nghị định 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc.

b. Riêng đối tượng áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, đơn vị của Đảng thuộc tỉnh thực hiện theo quyết định của Ban thường vụ Tỉnh ủy theo quy định của Nghị định 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ

c. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định các nội dung về khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại Khoản 7 Điều 21 Nghị định 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện.

### **Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng**

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định theo Phụ lục 03 kèm theo Quyết định này.

2. Mức giá mua xe ô tô chuyên dùng được quy định chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm Quyết định này là giá mua xe đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có); chưa bao gồm: lệ phí trước bạ; lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông; phí bảo hiểm; lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế (nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị

gia tăng) thì phải tính đủ số thuế được miễn này vào giá mua xe để xác định tiêu chuẩn, định mức.

3. Số lượng và mức giá mua xe ô tô chuyên dùng quy định tại Phụ lục 03 đính kèm Quyết định này là số lượng và mức giá tối đa. Khi thực hiện mua sắm, các cơ quan, đơn vị phải căn cứ vào đặc điểm, đặc tính kỹ thuật, chủng loại, nhãn hiệu, kết cấu có liên quan và giá thị trường tại thời điểm mua sắm, thực hiện lựa chọn đơn vị cung cấp theo quy định của pháp luật về đấu thầu, bảo đảm giá mua không vượt quá mức tối đa do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Quyết định này

4. Trường hợp giá mua xe trên thị trường tại thời điểm mua sắm cao hơn so với mức giá tối đa do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp, kịp thời.

#### **Điều 4. Nguyên tắc trang bị, quản lý, sử dụng xe ô tô**

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quy định tại Quyết định này được sử dụng làm căn cứ để: lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, mua sắm, bố trí, khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô; quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô.

2. Việc quản lý, sử dụng xe ô tô phải được thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Việc mua sắm xe ô tô tại Quyết định này phải đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức, quy định của pháp luật về mua sắm tài sản công và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

4. Nguồn kinh phí mua xe: Từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp và các nguồn kinh phí khác được sử dụng theo quy định.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh:

a. Quản lý, sử dụng xe ô tô theo đúng tiêu chuẩn, định mức được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo Quyết định này và Quyết định của Ban thường vụ Tỉnh ủy (đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy).

b. Căn cứ quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 2 Quyết định này và điều kiện thực tế, ban hành theo thẩm quyền Quyết định về khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc.

c. Thực hiện rà soát, sắp xếp lại, xử lý xe ô tô thuộc phạm vi quản lý theo quy định. Báo cáo kết quả sắp xếp lại, xử lý xe ô tô gửi về Sở Tài chính trước ngày 1/6/2024.

d. Chỉ đạo các cơ quan thuộc, trực thuộc:

Thực hiện quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, hạch toán, kế toán đầy đủ về hiện vật, giá trị đối với xe ô tô được giao quản lý, sử dụng. Hoàn thiện đầy đủ hồ sơ pháp lý về xe ô tô theo quy định.

Tổ chức triển khai, thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo Quyết định của cấp có thẩm quyền đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng quy định.

e. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh hoặc kiến nghị đề xuất, kịp thời phản ánh để Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a. Căn cứ khoản 2 Điều 12 Nghị định 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ và tiêu chuẩn định mức quy định tại Quyết định này, quyết định theo quy trình, thẩm quyền định mức cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện và phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung.

b. Thực hiện các nội dung quy định tại Điều a,b,c,d,e Khoản 1 Điều này đối với xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý.

3. Sở Tài chính: Tổng hợp khó khăn, vướng mắc và kiến nghị đề xuất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chỉ đạo.

**Điều 6.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày.... tháng... năm....bãi bỏ Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 4/11/2019, Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 1/7/2020, Quyết định số 38/2021/QĐ-UBND ngày 19/8/2021, Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 2/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định/.

***Nơi nhận:***

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Website: UBND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VP1, VP6.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**